TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **TP CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-5-2025
V/v Ly hôn giữa chị B và anh N.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồng Lưu
2. Bà Lê Thị Xuân Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 2 năm 2025 về việc Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc B, sinh năm 2000; Trú tại: Số 105/01 đường U Minh 10, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. *(có mặt)*

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1998; Trú tại: Ấp 1, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2022, do quen biết, tìm hiểu, chị Lê Thị Ngọc B và anh Nguyễn Văn N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng

không còn nên đã sống ly thân từ tháng 12/2024 cho đến nay. Nay chị B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N.

Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Ngọc B và anh Nguyễn Văn N.

Về nuôi con chung: Chị B xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Chia tài sản chung và nghĩa vụ chung: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu của các đương sự thì tranh chấp giữa các bên được xác định là "Tranh chấp về Ly hôn". Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị B và anh N được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, có cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị B thừa nhận thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, anh N không lo làm ăn mà thường xuyên ăn chơi, cờ bạc và không quan tâm gì đến vợ. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên đã sống ly thân. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị B đã nộp đơn khởi kiện, Tòa án thụ lý giải quyết cũng tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh N đều vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, chị B cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ

chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh N. Anh N tiếp tục vắng mặt không rõ lý do. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị B xin ly hôn với anh N là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Chị B xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung*: Chị B xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, anh N đều vắng mặt không rõ lý do, không cung cấp ý kiến trình bày và yêu cầu về chía tài sản chung và nghĩa vụ chung. Do đó, cần tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi phát sinh tranh chấp.

[3] *Án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị B phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Ngọc B và anh Nguyễn Văn N.

2. *Về nuôi con chung*: Chị B xác định không có nên không xem xét giải quyết.

3. *Về chia tài sản chung và nghĩa vụ chung*: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên có phát sinh tranh chấp.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị B phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005315 ngày 06/02/2025. Công nhận chị B đã nộp xong.

5. *Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn và vắng mặt bị đơn*.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Võ Minh Phụng